

CÁC NGUYÊN TẮC CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

LỜI TỰA

Trong những năm tháng nghiên cứu về pháp luật dân sự, người viết lời tựa này đã đọc và có mong ước có thể giới thiệu cho bạn đọc Việt Nam về cuốn sách “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự” (Principles of the Civil Code) của học giả người Anh, ông Jeremy Bentham, để bạn đọc, nhất là những người có chuyên ngành luật, có thể hiểu hơn các triết lý sâu xa của pháp luật dân sự phương Tây và xa hơn nữa, để trả lời câu hỏi nền tảng: Vậy thì mục đích cuối cùng của pháp luật (và pháp luật dân sự) là để làm gì?

Jeremy Bentham Và Di Sản Triết Học

Jeremy Bentham (1748–1832) là một triết gia, luật gia và nhà cải cách xã hội người Anh. Ông là một trong những nhà tư tưởng có ảnh hưởng và khơi gợi nhất trong lịch sử triết học và luật học phương Tây. Là một nhà cải cách xã hội tiên phong, nhà lý luận pháp lý và là cha đẻ của chủ nghĩa công lợi (utilitarianism),¹ Bentham đã cống hiến cả cuộc đời mình cho một nguyên tắc duy nhất và cấp tiến: Mục tiêu cuối cùng của xã hội và pháp luật là đạt được “hạnh phúc lớn nhất cho số đông”. Triết lý cốt lõi của ông, thường được tóm tắt bằng cụm từ này và cho rằng tính đúng đắn về mặt đạo đức và chính trị của một hành động được xác định bởi tính hữu dụng của nó. Nói cách khác “chính hạnh phúc lớn nhất của đa số đông nhất là thước đo của đúng hay sai” (it is the greatest happiness of the greatest number that is the measure of right and wrong).

Ý tưởng đơn giản nhưng sâu sắc trên của Bentham đã khiến ông tìm cách xóa bỏ những rào cản của truyền thống, mê tín dị đoan và đặc quyền thừa kế tại thời điểm đó để thay thế chúng bằng một khuôn khổ khoa học, hợp lý cho luật pháp và quản trị. Bentham đã áp dụng nguyên lý này vào lĩnh vực luật pháp và quản trị của chính phủ. Dự án đầy tham vọng của ông nhằm tạo ra một “Pannomion” – một bộ luật toàn diện của chủ nghĩa công lợi – vẫn còn dang dở khi ông qua đời. Tuy nhiên, các thành phần cốt lõi của nó đã được xuất bản và có tác động lâu dài trong xã hội hiện đại.

Cuốn Sách “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự”

Trong số các tác phẩm đồ sộ của Bentham, “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự” là một tác phẩm nền tảng, bắt nguồn từ những bài viết của ông về luật pháp và công lý. Cuốn sách phác thảo khuôn khổ thực dụng của ông trong công việc lập pháp với lập luận rằng mục đích chính của luật dân sự là tối đa hóa phúc lợi của số đông trong cộng đồng và đây là các tiêu chí để đạt được mục đích nói trên. Tác phẩm “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự” tập hợp các bài viết của Bentham

¹ Một số người dịch hoặc sử dụng cụm từ “chủ nghĩa vị lợi”. Tuy nhiên, người viết lời tựa này cho rằng cụm từ “chủ nghĩa vị lợi” không phản ánh đúng bản chất quan điểm của Bentham. Từ “chủ nghĩa công lợi” có lẽ sẽ chính xác hơn.

và được xuất bản lần đầu bằng tiếng Pháp bởi học trò của ông là Étienne Dumont vào năm 1802. Sau đó, cuốn sách được dịch ngược lại tiếng Anh.

Trong cuốn sách của mình, Bentham áp dụng phép tính công lợi của mình vượt ra khỏi phạm vi pháp luật hình sự (hình phạt)² để ứng dụng vào mạng lưới phức tạp của pháp luật dân sự – điều chỉnh các quan hệ tài sản, hợp đồng, thừa kế và quan hệ quyền, nghĩa vụ giữa các cá nhân. Ông lập luận rằng cấu trúc của pháp luật dân sự không nên dựa trên những khái niệm trừu tượng về các “quyền tự nhiên” (natural rights) mà ông từng gọi là “vô nghĩa” (nonsense upon stilts) mà nên được thiết kế một cách có chủ đích để tối đa hóa lợi ích công cộng và phúc lợi xã hội. “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự”, vì vậy, không chỉ là một chuyên luận pháp lý khô khan. Nó là bản thiết kế mang tính cách mạng cho một xã hội duy lý tại thời điểm đó.³

Trong cuốn sách, Bentham đã giải thích cách thức pháp luật dân sự có thể được thiết kế để:

- (a) Đảm bảo sự kỳ vọng đối với mục tiêu an toàn – tiêu chí mà ông coi là nền tảng của sự tích lũy tài sản và hạnh phúc; và
- (b) Chủ trương và thúc đẩy sự sinh tồn, sung túc và bình đẳng như những mục tiêu chính khác của pháp luật dân sự.

Bentham phân tích một cách có hệ thống cách thức thiết kế các điều luật điều chỉnh tài sản, hợp đồng và các vấn đề dân sự khác để đạt được những mục tiêu nói trên. Ông tin rằng một hệ thống pháp luật được cấu trúc tốt sẽ là công cụ mạnh mẽ để tạo ra một xã hội hạnh phúc và thịnh vượng.

Ngoài những đóng góp trực tiếp cho ngành luật dân sự, nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa công lợi – tìm kiếm “lợi ích lớn nhất cho số đông” – đã ăn sâu vào nhiều thể chế và quy trình ra quyết định

² Tại thời của Bentham tại nước Anh, ranh giới giữa pháp luật hình sự và dân sự là không rõ ràng và Bentham là người cố gắng thiết lập ra các bộ luật (hình sự và dân sự) để phân biệt hai ngành pháp luật này bằng việc tách biệt các yếu tố cấu thành, bên liên quan, hậu quả v.v.

³ Bentham là người phê phán lý thuyết về “luật tự nhiên” (natural law) và “quyền tự nhiên” (natural rights). Lý thuyết về luật tự nhiên cho rằng có một trật tự đạo đức khách quan, phổ quát tồn tại trong tự nhiên và con người có thể tìm ra nó bằng lý trí. Luật mang tính luân lý, đạo đức này xác định những điều đúng sai, cho con người biết nên cư xử như thế nào để sống công bằng và đúng đắn. Ví dụ, luật tự nhiên cho rằng hành vi làm hại một người vô tội là sai. Từ nền tảng đạo đức này của luật tự nhiên, các quyền tự nhiên xuất hiện. Nếu luật về đạo đức tự nhiên quy định rằng con người không nên bị làm hại, thì con người có quyền không bị làm hại. Luật tự nhiên như vậy đặt ra nghĩa vụ cho tất cả mọi người là tôn trọng sự sống của người khác. Từ đó, một quyền tự nhiên là “quyền được sống” tự nhiên được hình thành mà không phải do nhà nước hay chính phủ ban hành.

Bentham bác bỏ lý thuyết về luật tự nhiên. Ông tin rằng quyền chỉ có thể được tạo ra và thực thi bằng luật pháp thực định (positive law) – tức là luật pháp do một nhà nước/chính phủ có chủ quyền ban hành. Cụ thể, theo Bentham một quyền phải có nguồn gốc và cơ chế thực thi rõ ràng. Quyền tự nhiên không có cả hai yếu tố trên. Chúng không được ban hành bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền cụ thể nào (ví dụ như cơ quan lập pháp) và không có sự phê chuẩn chính thức nào để bảo vệ nó. Ngoài ra, Bentham coi việc viện dẫn các quyền tự nhiên là nguy hiểm về mặt chính trị và là tiền đề cho tình trạng vô chính phủ. Ông cho rằng nếu người dân nghĩ rằng họ có các quyền tồn tại độc lập và có thể được sử dụng để thách thức luật pháp của nhà nước, điều đó sẽ dẫn đến sự bất tuân và bất ổn xã hội. Thay vì các quyền tự nhiên, Bentham đề xuất rằng nền tảng duy nhất cho luật pháp và đạo đức nên là nguyên tắc công lợi. Quyền không nên được coi là đương nhiên có mà là các công cụ pháp lý do nhà nước tạo ra để thúc đẩy “hạnh phúc lớn nhất cho số đông”. Luật pháp chỉ nên trao một quyền (ví dụ quyền sở hữu) vì việc này làm tăng giá trị công lợi nói chung, chứ không phải vì là một quyền “tự nhiên” trừu tượng.

của xã hội hiện đại mà thường chúng ta không để ý đến.

Mặc dù có ảnh hưởng rộng rãi, chủ nghĩa công lợi chịu khá nhiều chỉ trích. Có thể kể đến như sau:

- (a) Chỉ trích cho rằng nó làm suy yếu quyền tự do cá nhân và giá trị công lý. Khi lợi ích của cá nhân hoặc một cộng đồng thiểu số phải nhượng bộ cho lợi ích của số đông, tự do cá nhân và công lý có thể bị phớt lờ trong một số trường hợp;
- (b) Khó khăn trong việc định lượng giá trị. Thường khó để chúng ta có thể dự kiến hết được mọi hậu quả của một hành động hoặc khi đo lường và so sánh giá trị “hạnh phúc” hay “lợi ích” giữa những người khác nhau; và
- (c) Sự hy sinh của cá nhân. Chủ nghĩa công lợi dường như đòi hỏi sự hy sinh của cá nhân cho những giá trị lớn hơn, điều mà nhiều người cho là một sự đòi hỏi quá đáng. Ví dụ mua một tách cà-phê xịn xò mỗi ngày mang lại niềm vui nhỏ cho một người nhưng đồng thời số tiền đó có thể cứu sống ai khác (nếu được góp cho tổ chức từ thiện hiệu quả). Một người theo chủ nghĩa công lợi thái quá sẽ lập luận rằng bạn có nghĩa vụ đạo đức phải quyên góp tiền và từ bỏ tách cà-phê xa xỉ của mình. Điều này khiến hầu hết mọi thú vui cá nhân đều sai trái về mặt đạo đức. Như vậy, chủ nghĩa công lợi sẽ là một hệ thống đạo đức phi thực tế và quá khắt khe.⁴

Tóm lại, Bentham và tác phẩm “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự” của ông đã để lại một di sản sâu sắc, định hình tư duy pháp lý, chính sách công và đạo đức cho xã hội hiện đại. Điểm mạnh của chủ nghĩa công lợi nằm ở tính giản đơn và sự tập trung vào hạnh phúc thực tế. Nó cung cấp một công cụ mạnh mẽ để đưa ra những quyết định chính sách thực dụng, quy mô lớn và trong đó sự đánh đổi là không thể tránh khỏi. Nó thúc đẩy con người ta suy nghĩ vượt ra ngoài bản thân và hướng đến lợi ích chung. Tuy nhiên, điểm yếu của nó là khả năng bỏ qua các khía cạnh về quyền cá nhân, công lý và những khía cạnh tinh thần khó định lượng của đời sống con người. Hầu hết các xã hội hiện đại đều cố gắng đạt được sự cân bằng bằng cách sử dụng các tính toán công lợi cho chính sách và luật pháp nhưng lại giới hạn chúng trong khuôn khổ quyền cá nhân và công lý để bảo vệ các nhóm thiểu số và ngăn chặn những bất công rõ ràng.

Bản dịch tài liệu này lấy từ bộ sách “The Works of Jeremy Bentham” (Các Tác Phẩm Của Jeremy Bentham) được xuất bản dưới sự giám sát của người thi hành di chúc John Bowring (xuất bản bởi Nhà xuất bản William Tait tại Edinburgh trong giai đoạn 1838-1843). Bộ sách này nay là tài liệu thuộc tài sản chung của nhân loại và có thể tải về tại website: <https://oll.libertyfund.org/titles/bentham-works-of-jeremy-bentham-11-vols>.

Người đã góp công cho bản dịch đầu của cuốn sách “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự” là dịch giả Phạm Duy Từ, một người tự nhận là “phu chữ” và là bạn vong niên của người viết đề tựa này. Người viết đề tựa đã thực hiện việc so sánh, đối chiếu và hiệu đính đối với bản dịch.

Trong phần dịch, các cước chú mà không có từ “ND” (viết tắt của “người dịch”) là của tài liệu gốc.

Vì nhiều thuật ngữ phản ánh bối cảnh xã hội trước đây, lối hành văn cổ và cả hiểu biết hạn hẹp của

⁴ Đây có thể là sự phê bình thái quá nếu các bạn đọc quan điểm của Bentham về nội dung “sung túc” trong cuốn sách.

người viết đề tựa nên bản dịch cuốn sách “Các Nguyên Tắc Của Bộ Luật Dân Sự” chắc chắn sẽ có những thiếu sót. Tất cả là lỗi của người viết đề tựa này. Rất mong được bạn đọc lượng thứ!

TP. Hồ Chí Minh tháng 9/2025

PHẦN I. MỤC TIÊU CỦA LUẬT DÂN SỰ

CHƯƠNG I. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

Mọi điều mà nhà lập pháp được yêu cầu trong việc phân bổ giữa các thành viên trong cộng đồng có thể quy về hai loại:

- Thứ nhất là Quyền.
- Thứ hai là Nghĩa vụ.

Quyền tự bản chất là lợi ích, là những điều tốt đẹp dành người được hưởng. Ngược lại, nghĩa vụ là bổn phận, là gánh nặng dành cho người phải thực hiện.

Quyền và nghĩa vụ, tuy bản chất khác biệt và đối nghịch, lại xuất phát từ cùng nguồn gốc và không tồn tại tách biệt nhau. Theo bản chất của sự vật, pháp luật không thể trao lợi ích cho một người mà không đồng thời áp đặt gánh nặng lên một người khác. Nói cách khác, một quyền không thể được tạo cho một người mà không tạo ra nghĩa vụ tương ứng cho một người khác. Quyền sở hữu đất đai được trao cho tôi bằng cách nào? Câu trả lời là bằng cách áp đặt lên mọi người khác, trừ tôi ra, nghĩa vụ không được xâm phạm quyền đó. Quyền ra lệnh được trao cho tôi bằng cách nào? Bằng cách áp đặt lên một khu vực địa lý hoặc một số người nghĩa vụ phải vâng lệnh tôi.

Nhà lập pháp cần trao quyền với niềm vui, vì quyền về bản chất là lợi ích. Nhà lập pháp cần áp đặt nghĩa vụ với nỗi ác cảm, bởi nghĩa vụ về bản chất là điều xấu xa. Theo nguyên tắc công lợi, nhà lập pháp không bao giờ được áp đặt một gánh nặng trừ khi việc này tạo nên một lợi ích có giá trị lớn hơn.

Khi tạo ra nghĩa vụ, pháp luật hạn chế tự do ở cùng một mức độ. Tức là, pháp luật biến một hành vi lẽ ra được phép và không bị trừng phạt trong điều kiện khác trở thành một hành vi vi phạm. Pháp luật thiết định một hành vi vi phạm bằng một mệnh lệnh buộc phải thực hiện hoặc bằng sự cấm đoán.

Hạn chế tự do là điều không tránh khỏi. Pháp luật không thể tạo lập quyền và áp đặt nghĩa vụ để bảo vệ thân thể, sinh mạng, danh dự, tài sản, sự sinh tồn hay chính tự do mà không phải hy sinh một phần tự do.

Tuy nhiên mọi sự hạn chế tự do đều có thể đi cùng với cảm giác khó chịu tự nhiên dù ở mức độ ít hay nhiều. Đó là chưa kể đến vô số những bất tiện và khổ sở phát sinh từ việc bị hạn chế. Vì thế, hạn chế không nên được áp đặt, quyền lực không nên được trao, luật pháp có tính áp chế không nên được ban hành, nếu không có lý do cụ thể và thỏa đáng. Luôn có một lý do để phản đối pháp luật có tính áp chế và – kể cả khi không có lý do nào khác – thì lý do sau cũng đủ để thỏa đáng: rằng pháp luật đó đã hạn chế sự tự do. Người đề xuất một luật áp chế phải sẵn sàng chứng minh được rằng không chỉ có lý do cụ thể để ban hành luật liên quan mà còn phải chứng minh rằng lý do đó có trọng lượng hơn lý do cơ bản phản đối mọi luật [mang tính áp chế].

Quan điểm cho rằng mọi luật⁵ đều hạn chế tự do, nhìn thì có vẻ hiển nhiên đấy, nhưng lại không được chấp nhận rộng rãi. Thay vào đó, những người đam mê lý tưởng tự do – dù là nhiệt thành hơn sáng suốt – lại xem việc chống lại quan điểm trên là một bổn phận lương tâm. Họ đã làm như thế nào? Họ xuyên tạc ngôn ngữ và không dùng từ “tự do” theo nghĩa thông thường. Họ nói một thứ ngôn ngữ không thuộc về ai cả khi nói rằng: “*Tự do là quyền làm mọi thứ miễn là không gây hại cho người khác.*” Nhưng đây có phải là ý nghĩa thông thường của từ “tự do”? Tự do làm điều xấu có phải là tự do không? Nếu nó không phải là tự do, vậy thì nó là gì và chúng ta phải dùng từ nào để miêu tả? Chẳng phải chúng ta đã nói là tự do không nên trao cho những kẻ ngốc và kẻ xấu, bởi họ sẽ lạm dụng chúng ư?!

Theo định nghĩa như trên thì tôi không biết liệu mình có được tự do làm hay không làm bất kỳ việc gì cho đến khi tôi đã xem xét hết mọi hậu quả có thể. Nếu tôi thấy việc làm của mình gây hại cho một người nào đó, kể cả khi pháp luật cho phép hay buộc thực hiện, thì tôi cũng không có quyền tự do để làm việc đó! Một người thực thi công lý không có quyền tự do trừng phạt một tên trộm trừ khi người đó chắc chắn rằng hành vi trừng phạt không gây hại cho tên trộm. Đó là những thứ ngớ ngẩn hàm chứa trong định nghĩa nói trên.

Lý trí chưa bị gọt giữa thì nói gì? Giờ chúng ta hãy cùng tìm xem đâu là chân lý.

Mục tiêu duy nhất của chính phủ phải là việc mang lại hạnh phúc lớn nhất cho số đông nhất có thể trong cộng đồng.

Hạnh phúc của một người càng lớn khi những khổ đau mà người đó phải chịu càng nhẹ và càng ít, còn niềm vui người đó được hưởng càng lớn và càng nhiều.

Việc chăm lo cho những niềm vui đó nên để cho mỗi người tự quyết định. Chức năng chính yếu của chính phủ là bảo vệ dân chúng khỏi những khổ đau.

Chính phủ thực thi chức năng nói trên bằng cách tạo ra và trao các quyền cho mỗi cá nhân, trong đó gồm quyền được an toàn cá nhân, quyền được bảo vệ danh dự, quyền sở hữu, quyền được trợ giúp khi cần thiết. Đối nghịch với các quyền là các hành vi vi phạm. Pháp luật không thể tạo lập các quyền mà không tạo lập các nghĩa vụ tương ứng. Pháp luật không thể thiết lập các quyền và nghĩa vụ mà không định danh hành vi vi phạm.⁶ Pháp luật không thể ra lệnh hoặc cấm đoán mà không hạn chế tự do cá nhân.⁷

Một công dân, do đó, không thể có được bất kỳ quyền nào mà không phải hy sinh một phần tự do của mình. Ngay cả trong một xã hội tồi tệ cũng sẽ không có sự cân xứng giữa phần phải hy sinh và phần lợi ích được hưởng. Một chính phủ sẽ tiến gần đến sự hoàn hảo khi mức độ lợi ích được hưởng [của dân chúng] là lớn hơn còn sự hy sinh thì nhỏ hơn.

o0o

⁵ Cần loại ra những luật bãi bỏ các luật áp chế. Tức những luật cho phép làm điều mà luật khác cấm.

⁶ Thiết lập hành vi phạm tội nghĩa là biến một hành vi thành một tội danh, gán cho một hành vi mang tính chất tội phạm bằng việc cấm thực hiện hành vi đó.

⁷ Khi trao một quyền, pháp luật quy định rằng những hành vi cản trở hoặc làm gián đoạn việc hưởng quyền đó được xem là hành vi phạm tội.

Chúng tôi hy vọng bạn đã có khoảng thời gian thú vị khi đọc phần tài liệu trên!

Scientia